N° 191

# TRI TÂN

## TẠP CHÍ

1$20

# « NHÀ QUÊ »

HOA-BẰNG

Khi đọc những sách báo do người Pháp viết về xứ ta, tôi rất khó chịu về hai tiếng « nhà quê » họ dùng để chỉ hạng người cần-cù, nhẫn-nại, chất-phác, giản-dị và điềm-đạm ở thôn-dã.

Hai tiếng « nhà quê » họ dùng đây, là để tiêu-biểu hình-dung hạng người quanh năm sống ở sau lũy tre xanh, suốt đời tận tụy với lưỡi cày, bàn cuốc, giãi dầu hai nắng một sương, không được ngửi khói xì-gà, không được nhìn bọt sâm-banh, không biết bỏ cái phiếu vào hòm bầu-cử, và hơn nữa, những cái dớ-dẩn khờ-khạo còn bị mấy ngài hí họa phóng đại ra như bỏ thư xuống nắp miệng cống mà lầm tưởng là thùng thư, chắp tay vái con cóc phun nước mà tin tưởng là « cậu ông Trời... »

Rồi với giọng chế-giễu mỉa mai, mấy nhà cầm bút ấy quen dùng hai tiếng « nhà quê » để chỉ những nhân-vật đứng vào trình-độ lạc-hậu, có những cử động hành vi thô-kệch, ngớ-ngẩn, vụng-về...

Thế rồi một số người mình tự-mạng là « văn-minh », ô-ạt bừa theo họ, cũng áp dụng ngay hai tiếng « nhà quê » để nhiếc mắng - bảo nỗi khi có việc từ quê ra tỉnh, phải đụng chạm với phái « đứt tóc » trong buồng giấy hay trên xe lửa, xe điện, ô-tô hàng...

Lại có một đám nhà văn vì không suy sâu nghĩ kỹ, thấy trong hương-thôn có những kẻ hay tranh ngôi thứ, tranh xôi thịt, và, làm lắm chuyện gai mắt chướng tai, bèn « chế-tạo » ra một cái « điển-hình nhân-vật » để giễu-cợt hạng người quê-mùa, cù-mịch, lỗ-lăng và vô ý-thức như Lỗ Tấn đã tạo ra chàng A Q để hình - dung một hạng người Tàu cổ, « nhút - nhát, vô năng, bị người đánh đập nhục nhã mà không dám đánh trả, lại còn than-phiền với người ta rằng : hiện nay lòng người kém xưa, trẻ con mà dám xấc-láo đánh-đập ông già đấy ! »

Kể về hiện tượng xã - hội, thì những tiếng khinh bỉ là « nhà quê » hoặc những lối chế-giễu bằng cách tạo ra « điển-hình nhân vật » ấy không phải không có lý. Nhưng xét đến nguyên - nhân sâu xa về phương diện tổ chức xã-hội và chế độ cai-trị này khác, thì hạng người đáng thương mà bấy nay người ta vẫn quen khinh-khi giễu-cợt kia chỉ là « nạn nhân » của thời-đại, và là « kết-quả tất nhiên » của hồi Pháp thuộc.

Vì sao ? Vì chế - độ bất lương đã gây nên hạng người đó ! Vì chính-sách ngu dân đã sản - xuất ra hạng người đó !

***

Họ bẩn-thỉu, thiếu vệ sinh ư ? Là vì họ bị bóc-lột tàn-nhẫn, quanh năm ăn thiếu, mặc rách, cứu cánh đi đến con đường chết đói như ngày nay ! Suốt đời, họ chỉ lo cho cái đã dày cho chẳng xong, thì rồi đâu nghĩ đến vệ sinh gì nữa !

Họ tranh xôi thịt ư ? Là vì trải bao nhiêu lâu, họ bị kinh-tế áp-bách, hết bữa hôm lo bữa mai, nhay được cho cả nhà có mấy bát cơm sung cháo đền đã là gian-nan lắm rồi, chứ còn làm gì có cá, có thịt ! Loài người vốn là một sinh vật quen ăn thịt, một khi ăn uống khám khổ, lẽ tất nhiên sinh ra bảo bức thèm thuồng. Vậy vấn-đề xôi-thịt ở « nhà quê » tất phải giải-quyết theo phương-diện kinh-tế.

Họ dốt-nát ư ? Là vì họ nghèo khổ, phải thất học, cả đời phải đau-đớn trong bóng tối âm-u ầm, không được nhìn thấy ánh sáng giáo-dục. Đó bởi những nhà cầm quyền không làm hết thiên-chức : không lo cho dân đủ cơm để ăn học, không ra lệnh cưỡng bách giáo-dục để cuộc khai-hóa chóng được phổ-cập khắp dân gian !

Thấy dân quê, lắm kẻ cam bán gia tài để mua danh phận, tranh giành từng ngôi thứ, nếu ta chịu khó suy-xét một chút, sẽ rõ duyên cớ tại sao. Nên biết : tụ thư dân Pháp trong vòng ngót thế-kỷ nay, lợi dụng cái thái-sắc phong - kiến để thực hành cái dã - tâm bác-tước của tay tư-bản, chúng hết sức câu-nhử xua-lùa người mình vào đường hư-danh, lại dung-túng những kẻ quyền-thế đè-nén hiếp đáp hạng bạch đinh là lớp người ở bực dưới cùng của cái thang

(Xem tiếp trang 13)

# TINH THẦN ĐỘC LẬP

Đã ba tháng nay, đi đến đâu cũng được nghe nói đến hai tiếng « độc lập ». Trên mặt các báo, ta thấy nhan nhản hai chữ « độc lập » xếp in bằng đủ các cỡ chữ. Song nếu thành thực, ta tự hỏi ta rằng nước Việt-nam đã thực là độc lập chưa? Thì ai ai cũng phải nhận là chưa.

Tôi nói « chưa độc lập » đây, không phải là nói về phương diện chính-trị vì ai đó đã dĩ nhiên, không cần nói đến. Tôi muốn nói về phương-diện tinh thần.

Thế nào là tinh thần độc lập?

Tinh thần độc lập là cái tinh thần của một cá-nhân, của một dân-tộc, không ỷ mỹ, không ỷ lại không cầu cạnh.

Kia như trong loài thực vật, những cây tùng, cây bách là giống cây độc-lập, tự mình đứng thẳng giữa giời, mặc dầu giông tố; những giây sắn, giây bìm, chỉ là giống cây leo, không biết độc-lập, phải nhờ hoặc một ấy cửng khác, hoặc bờ rào, cột rậu, thì mới leo lên được.

Một cá-nhân có tinh thần độc-lập, là một người biết tự trọng mình, biết lấy mình làm chủ. Công việc của mình làm đều tự mình chịu hoàn toàn trách-nhiệm, không bao giờ đổ vấy cho người khác. Công việc gì mình định làm, đều trông cậy ở cả sức mình, không chịu nhờ ở sức kẻ khác. Những mục đích mình muốn đạt đều gắng gỏi ở mình chứ không vạn lơn chỗ họ, chạy chọt nơi kia.

Cổ nhân có nói: « Quân tử cầu kỳ tại ngã giả », nghĩa là « Người quân tử chỉ cầu ở nơi mình ».

Người quân tử nói đây là biểu hiệu của cái tinh thần độc lập. Nếu quốc dân ai ai cũng sẵn có cái tinh thần độc lập, thì có khó gì mà không lập thành được một quốc gia độc-lập.

Cứ theo như nghĩa của hai chữ ấy, thì độc-lập là tự một mình mình đứng lấy, không phải tựa vào ai.

Song độc lập không phải là cô lập. Cô lập là đứng trơ trọi một mình.

Một cái cây đứng trơ trọi một mình, dù là tùng bách, bao to cũng gẫy. Nếu lại đứng chung trong một rừng tùng bách thì dễ làm gì được.

Trên kia lấy cây-cối làm tỷ dụ, lại khiến tôi nhớ đến câu: « *Đại thụ chi hạ kinh cức bất sinh* » nghĩa là dưới gốc cây to, gai gốc không mọc được ».

NGUYỄN-PHƯƠNG

## NHƠI THỀ

*Nay kính ngỏ bàn thờ Tổ quốc,*
*Con xin thề sau trước một lòng.*
*Hồng-bàng cơ-nghiệp lồ lồng,*
*Thề xin bảo thủ non sông miền trường.*
*Dù gặp lúc tai ương biến cố,*
*Thề xông pha, chẳng sợ cuồng phong.*
*Tử sinh, sinh tử bền lòng,*
*Thề không bán nước, thề không hai nòi.*
*Ơn mưa móc khắp nơi xin nhớ,*
*Thề tận trung giúp đỡ quân vương.*
*Mẹ cha đức nặng khôn lường,*
*Thề xin hiếu kính vẹn đường trước sau.*
*Anh em giọt máu đào chia xẻ,*
*Thề nhường nhịn vụ lẽ cùng nhau.*
*Vợ chồng duyên kiếp bao cầu,*
*Thề xin ăn ở bạc đầu trăm năm.*
*Nơi bè bạn tình thâm liên-lạc,*
*Thề không lòng phản trắc lảo điên.*
*Đồng bào con cháu Hồng Tiên,*
*Thề không ghẻ lạnh hai bên Việt-Lặn.*
*Nhời thề ghi tạc chung thân.*

*Tháng Tư năm Ất-dậu*
*Việt-Anh ĐINH-TỬ-LÂM*
*Quốc-Chí HOÀNG-VĂN-SỸ*

## SIA VĂN MIẾU

# NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 112

*Ưng-hòe* NGUYỄN-VĂN TỐ

Khoa bính-tuất (1526) là năm thứ năm hiệu Thống-nguyên của Lê Hoàng-đế Xuân (1522-1527), lấy hai mươi ông đỗ tiến-sĩ kể tên sau này:

Đệ-nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ nhất danh (trạng-nguyên) là: **Trần-tất-Văn**, người làng Nguyệt-áng, huyện Yên-lãng, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Làm quan với Mạc, đến chức thượng-thư, tước Hàn-xuyên bá. Có đi sứ Tàu. Sinh ra Trần-Tảo đỗ đồng tiến-sĩ khoa ất-sửu, 1565 (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Hải-dương, tờ 90 a, và *Đăng-khoa-lục*, q. 2 tờ 20 a).

Đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ nhị danh (bảng-nhãn) là **Nguyễn-văn-Hiến**, người làng Cẩm-xá, huyện Thiên-tài (Lang-tài), phủ Thuận-an, trấn Hải-dương. Làm quan với Mạc, đi sứ Tàu về việc cầu phong. Khi về, vì gởi tử chương nên mất thăng đến chức tham-chính. Sinh ra Nguyễn-văn-Diễn đỗ đồng tiến sĩ khoa 1535 (*Đăng khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 125 b, và Đăng-khoa-lục, q. 2, tờ 20 a).

Đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ-tam danh (thám-hoa) là **Lưu-đoàn Trung**, người làng Phương-xá, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Làm quan đến hữu thị-lang. Nhà Lê mất không chịu theo Mạc (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 105 a, và *Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 20 a).

Bốn ông đỗ nhị-giáp tiến-sĩ xuất-thân là:

1. — **Lê-quang-Bí** (hoặc Bôn), người xã Mộ-trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng trấn Hải dương. Năm hai mươi ba tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1526. Sang sứ Tàu mười chín năm làm quan với Mạc đến chức Lại-bộ thượng-thư, tước Tô-xuyên hầu, được tặng quận-công. Là con Lê-Nại đỗ Trạng-nguyên khoa 1505, là cháu Lê-Tài đỗ nhị-giáp khoa 1511, cha con chú cháu đều đỗ đại-khoa (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 20 b). *Đăng-khoa bị-khảo*, (q. Hải-dương, tờ 16 a) chép hơi khác như sau: Đỗ năm hai mươi mốt tuổi. Nhà Mạc sai sang sứ Tàu cầu phong, nhà Minh ngờ là đối-trá, giam ở dịch quán (trạm các sứ-thần ở) Nam-ninh mười tám năm, đến lúc về, Mạc Mậu-Hợp phong tước Tô-quận-công, vì như Tô-Vũ.

2. — **Ngô-Ước**, Người xã Nghiêm-xá, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam Đỗ nhị giáp khoa 1526. Làm quan đến phó-đô Ngự-sử. Là con Ngô-Hoan đỗ nhị giáp khoa 1487, và anh Ngô-Hoành đỗ tam-giáp cùng khoa 1526 (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 24 a và *Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 20 b).

3. — **Nguyễn-bỉnh-Khuê**, người xã Khoái-thế, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp khoa 1526. Làm quan đến hàn-lâm hiệu-lý. Nhà Lê mất, không chịu theo Mạc. Là con Nguyễn-văn Hiến (tức Bỉnh-Hòa) đỗ nhị-giáp khoa 1502. Sinh ra Nguyễn-Đĩnh đỗ tam giáp khoa 1583 (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 105 b).

4. — **Lưu-Hịch**, Người xã Nhập-mỹ, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm hai mươi chín tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1526. Làm quan đến hàn-lâm-viện hiệu-lý. Là con Lưu-văn-Nguyên đỗ nhị giáp khoa 1505, (*Đăng khoa lục*, q. 2 tờ 20 b, và *Đăng-khoa bị-khảo*, q. Sơn-tây, tờ 7 a).

Mười ba ông đệ-tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân, kể tên sau này:

1 — **Phạm-đình-Quang**, Người xã Cổ-lãm, huyện Lang-tài, phủ Thuận an, trấn Kinh bắc. Đỗ bội-nguyên, vào đình-thí đỗ đầu tam-giáp khoa 1526. Làm quan đến hiến-sát-sứ. Nhà Lê mất, không chịu theo Mạc (*Đăng-khoa bị-khảo* q. Kinh-bắc, tờ 126a, và *Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 20 b).

2. — **Nguyễn-Xưởng** Người xã Ngô-cương, (*Đăng-khoa-lục* chép là Ngô-đồng), huyện Gia-định phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam-giáp khoa 1526. Làm quan đến Lễ-bộ tả thị-lang. Lúc nầy giờ Mạc-đăng-Dung cướp ngôi, triều-thần a-dua theo rất nhiều. Ông trông thấy lấy làm đau-xót, nhẫn-nhục lên, không ăn rồi chết. Đến đời Lê trung-hưng (1533-1548) bảo-lục những bề tôi tiết-nghĩa.

ông cũng được dự. Là con Nguyễn vô-Địch đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1511 (*Đăng khoa bị-khảo*, q Kinh-bắc, tờ 112 a).

3. — **Đàm - đức - Nhuận**, Người xã Lưu-khê, huyện Thượng phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Năm hai mươi bảy tuổi đỗ tam - giáp khoa 1526. Làm quan đến chức đoán - sự. Đi đánh trận bị mất (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 24 a).

4. — **Ngô - Hoành**, Người xã Nghiêm - xá, huyện Thượng - phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Đỗ tam - giáp khoa 1526. Làm quan đến hiến sát-sứ. Là con Ngô-Hoan, em Ngô Ước (xem truyện Ngô-Ước ở trên. — *Đăng - khoa lục*, q 2, tờ 21 a).

5. — **Vũ - Huyền**, Người xã Thổ-hoàng, huyện Thiên - thi, phủ Khoái-châu, trấn Sơn nam Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1526. Làm quan với nhà Mạc đến chức thị - lang tước văn-quảng tử (*Đăng-khoa bị khảo* q. Sơn-nam, tờ 72 a).

6 — **Hoàng - Thông**, Người xã Mạc-xá (Mộ-xá), huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Nhà ở làng Đan-sĩ, huyện Thanh-oai. Năm mươi tám tuổi, đi thi một lần, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1526 Làm quan đến giám-sát ngự-sử Sinh ra Hoàng-Du đỗ nhị-giáp khoa 1532 Là cháu Trình - Thanh đỗ khoa Hoành-từ năm 1429. *Đăng-khoa lục* (q. 2, tờ 21 a) chép Hoàng - Thông là anh Hoàng - Du (*Đăng-khoa bị-khảo*, q Sơn-nam, tờ 50 a).

7 — **Khổng-tư-Trực**, Người xã Đoan-bán, huyện Yên-việt, phủ Bắc - hà, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1526. Làm quan đến tự-khanh Nhà Lê mất không chịu theo Mạc, sau Lê trung-hưng (1533-1548) bao phong ông làm bực tiết-nghĩa (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 21 a).

8. — **Phạm - minh - Lượng**, Người xã Kim-lan, huyện Cẩm giàng Phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Năm bà mươi mốt tuổi đỗ tam-giáp khoa 1526. Nguyên tên là Quang-Tá. Khoa canh-thìn (1520) thi hội đã đỗ, vì giữa tang nên không được vào thi đình. Khoa này (1526) thi lại đỗ. Làm quan đến thượng-thư, tước bá (*Đăng-khoa lục*. q. 2, tờ 21 a).

9. — **Nhữ-mậu-Tố**, người xã Mộ - trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp khoa 1526. Đổi tên là Lý-Tố. Làm quan với Mạc đến chức Lễ-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*. q Hải-dương, tờ 16 b)

10 — **Hoàng-viết-Ái**, người, xã Thượng-yên-quyết, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm hai mươi bảy tuổi, đỗ tam-giáp khoa 1526. Làm quan đến hàn-lâm thị giảng (*Đăng khoa bị khảo*. q. Sơn tây, tờ 7 a).

11. — **Lương - Giản**, người xã Phù-vệ huyện Đường hào, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1526. Đi sứ Tàu. Làm quan với Mạc đến chức Lễ-bộ tả thị lang, lúc mất được tặng thượng thư (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 21 b).

12. — **Phạm-vĩnh-Truyền**, người xã Hoa Kiều, huyện Lang tài, phủ Thuận an, trấn Kinh bắc. Năm năm mươi ba tuổi đỗ tam giáp khoa 1526. Làm quan với mạc đến chức thượng thư, tước hầu (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 21 b).

13 — **Nguyễn-kính-Trung**, người xã Đức trạch, huyện Tiên phong, phủ Quảng oa, trấn Sơn tây. Năm bốn mươi mốt tuổi đỗ tam giáp khoa 1526 Làm quan đến tự khanh (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn tây, tờ 69).

***

**Trả lời ông Nguyễn-xuân-Huy.** Đầu năm nay ông Nguyễn-xuân-Huy có ra một cuốn « Bình luận văn học » đề là *Viết và sống (tìm nghĩa làm văn)*. Ông viết một đoạn về bài *ông nghè* như thế này. « Cũng tỏ rõ một tâm trạng nhớ tiếc và tán dương cái đẹp thời xưa ấy, ta có thể kể những sách khảo luận như *Nho giáo* của Trần-trọng Kim, *những ông nghè triều Lê* của Nguyễn-Văn Tố, *Trai nước nam làm gì* của Hoàng-đạo-Thúy, v v. tr. 71)... Ông Nguyễn Văn-Tố khi thảo về những ông Nghè triều Lê ý tất cũng do những lẽ tương tự (một là : Nho giáo là cả lâu đài cổ rất đẹp, ta phải biết nó ; hai là bế nó để đem dung hòa với những học thuyết mới mà ứng dụng) . . » (tr. 72).

Giá ông Nguyễn-xuân-Huy chỉ đoán phỏng như thế, thì cũng không làm sao ; nhưng ông lại viết một cả kế như thế này ; « . . . Tuy văn học cả

(Xem tiếp trang

# ĐẠI NAM DẬT SỬ

Số 63

*Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

## XXXV. — Lý Thánh-tông

(*bài nốt*)

Kỳ trước đã nói qua về việc Lý Thánh-tông đi đánh Chiêm-thành năm 1069, nay tham khảo các sách Tàu chép thêm về việc ấy như sau này :

« Năm Hy-ninh thứ nhất (1068) đời Tống Thần-tông (1068-1085) tháng sáu, ngày đinh-vị, vua nước Chiêm-thành là Đương-bốc thi-lị loát-đà ban ma-nô-bà (Ta thường gọi là Chế-củ ; bản Chiêm-thành viết bằng chữ phạm, gọi là Rudravarma III) sai sứ sang Tàu cống phương vật, và xin mua ngựa trạm (khẩn [illegible] dị hãn), vua Tàu xuống chiếu cho vua Chiêm-thành một con ngựa trắng, và cho đến Quảng-châu mua la đem về (La chữ Tàu là loa *Tống-sử*, q. 14, tờ 3 a và q. 48 q tờ 4 a) vì Chế-củ được phép vua Tàu cho mua ngựa trạm, nên mới sửa sang sang xâm lấn nước ta.

Sử ta như bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, (q. 3, tờ 4 b) chép rằng : « cuối năm mậu-thân (1068) nước Chiêm-thành sang dâng voi trắng, sau lại quấy nhiễu ngoài biên »

Năm kỷ dậu (1069) là năm thứ nhất hiệu Thần-vũ đời Lý Thánh-tông, tháng hai, ngày mậu-tuất vua ban chiếu thân làm tướng đi đánh Chiêm-thành. Ngày đinh-vị, làm lễ minh-thề ở sân rồng. Ngày canh dần (?) bắt đầu xuất quân, (quyển G. Maspero *Le Royaume de Champa*, tr 141, chỉ ngày canh-dần là ngày 16 tháng 2 tây năm 1069, nhưng xét ra không phải ngày canh-dần, vì cứ tính theo hàng can chi, từ ngày mậu-tuất ban chiếu đi đánh đến ngày đinh vị làm lễ ăn thề là mười ngày, từ ngày đinh-vị ăn thề đến ngày đinh-tị quân đến Nghệ-an lại mười ngày nữa, trong khoảng, ấy chỉ có ngày canh tuất hoặc giáp dần, chứ không có ngày canh-dần). Ngày đinh-tị, quân đi đến châu Nghệ-an, có con rồng vàng (?) hiện ở thuyền *Kim-phượng*. Ngày canh-thân đến đậu ở cửa bể Nam-giới (giáp giới huyện Thiên-lộc (nay thuộc Nghệ-an) và Thạch-hà (nay thuộc Hà-tĩnh) tục gọi cửa Suốt) rồng vàng (?) lại hiện ở thuyền Kim-phượng. Ngày tân-sửu, sai đại-hiệu-ban là bọn Hoàng Kiện đánh quân Chiêm-thành ở cửa bể Nhật lệ (tục gọi cửa thầy, nay thuộc Quảng-bình) : thắng trận. Ngày kỷ-tỵ, đi qua đại-trường-sa (hiện nay ở Quảng-bình có bãi cát thật dài) ; ngày hôm sau (canh-ngọ) đến cửa bể Tư dung (có tên là Tư-khánh, nay thuộc tỉnh Thừa thiên). Đêm hôm quí-dậu (tháng 3 năm ấy), có rồng (?) hiện ở thuyền *Cảnh-thắng*. Ngày bính-ngọ (cũng nhầm; bính tý mới phải) quân ta đến đóng ở cửa bể Thi-lị-bì-nại (chữ chàm gọi là Cửa Banoy ; tục gọi là cửa nước mặn, nay thuộc Qui nhơn) có hai con chim bay ngang nhau, đi theo thuyền vua ta, như có ý dẫn đường (?). Quân nhà vua tiến trước, đóng quân ở bờ sông Tu-mao, thấy tướng Chiêm-thành là Bố-bì-đà-la bày trận ở bờ sông, quan quân ta đánh riết một trận, chém được Bố-bì-đà-la, quân Chiêm-thành chết không biết bao nhiêu mà kể. Vua Chiêm-thành là Chế-củ nghe tin quân thua, bèn đem vợ con trốn đi từ đêm. Đêm hôm ấy quân ta xếp túi đất ở ngoài tường thành để làm thang vào thành Phật-thệ, đến bến Đồng-la thì nhân dân trong thành Phật-thệ xin hàng.

« Đến tháng tư, nguyên-soái là Lý thường-Kiệt bắt sống được Chế-củ ở địa-phận Chân-lạp (tức Cao-mên bây giờ). Tháng năm, vua Lý yến hưởng quần thần ở điện vua Chiêm thành lại thân hành múa cát mộc, đánh quả cầu ở thềm điện vua Chiêm-thành (vũ thuẫn kích cầu ở kỳ giai). Vua Lý lại sai đến khắp những nhà nhân-dân trong thành và ngoài ô thành Phật-thệ, được hơn 2560 khu, đều đốt hết. Trong tháng ấy, thu quân về nước. Ngày quí-tỵ, quân đóng ở cửa bể Tư-minh ; đêm ấy có rồng vàng (?) hiện ở thuyền vua. Ngày kỷ-tỵ (tháng sáu) quân ta đi qua bể, có rồng vàng (?) hiện ở thuyền *Kim-phượng*. Ngày mậu-thân, qua cửa bể Bố-chính, có những núi lớn núi nhỏ lởm-chởm, thuyền rồng vấp vào đá bị vỡ. Ngày tân dậu tháng sáu (tức 17 tháng 7 năm 1069) vua Lý Thánh-tông từ Chiêm-thành về đến nước, đậu ở bến Chiêu-đông xuống chiếu các quan phải nghiêm-chỉnh

quân-dang, thịnh-trần nghi-vệ Vua ngự xe, các quan đều cưỡi ngựa theo hầu hai bên. Vua Chiêm thành là Chế-củ đội mũ đan bằng dây gai, mặc áo trắng lưng bị chói bằng lụa, năm người võ-đồ dắt đi. Đồ-đảng và họ-hàng của chế-củ cũng chói tất cả đi theo sau.

Đến mùa thu, tháng bảy, vua Lý tâu tin thắng trận ở nhà Thái-miếu (*Việt sử-lược*, q. 2, tờ 13 b và 14 a).

Vua Lý không giết Chế-Củ. Chế-Củ dâng đất ba châu Địa-lý (nay phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình), Ma-linh (nay hai huyện Minh-linh và Do-linh tỉnh Quảng-trị) và Bố-chánh (nay ba huyện Bình-chánh, Minh-chánh, Bố-trạch tỉnh Quảng-bình) để xin về nước; Vua Lý bằng lòng cho (*Khâm-định Việt-sử*, q. 3, tờ 29 a).

Trong khi Chế-Củ ở nước ta, thì bên Chiêm thành nổi loạn; sử không chép rõ khi Chế-Củ về nước có được làm vua nữa hay không, chỉ nói rằng năm 1071, 1072, 1074 nước Chiêm-thành có sang cống vua ta, và năm 1072 Chiêm thành lại có sang cống vua Tàu nữa. Có lẽ Chế-củ đánh dẹp bị thua, phải chạy đi ở chỗ khác.

*Muốn làm giàu mua vé số*

**Dòng Dương**

**2$00 một vé**

*Tống-sử* (q. 489, tờ 6 a) có chép rằng: « Năm thứ 7 hiệu Hy-ninh (1074) Lý Kiền-đức (tức Lý nhân-tông) ở Giao châu nói rằng vua Chiêm-thành đem ba nghìn quân và vợ con đến hàng » không thấy nói rõ vua Chiêm-thành lúc bấy giờ tên là gì.

Năm 1069, Lý Thánh-tông đánh được Chiêm-thành, đổi niên hiệu là Thần-vũ; năm ấy chính là năm kỷ dậu, *Đại-Việt sử-ký, toàn thư* (q. 3, tờ 4 b) chép là ất-dậu thì nhầm.

Đến năm thứ tư hiệu Thần-vũ (1072) tháng giêng, ngày canh-dần, vua Lý Thánh-tông mất ở điện Hội-tiên, quần thần dâng tôn hiệu là Ứng-thiên sùng nhân chí-đạo uy-khánh Long-tường Minh-văn Duệ-vũ hiếu-đức thánh-thần hoàng-đế Miếu hiệu là Thánh-tông (*Đại Việt sử ký, toàn-thư*, q. 3, tờ 5 b) Lý Thánh-tông thọ 50 tuổi, trị vì 17 năm. Mãi đến năm ngài 44 tuổi tức là năm bính-ngọ (1066) ngày 25 tháng giêng mới sinh hoàng-tử đặt tên là Kiền-đức ngày hôm sau lập làm hoàng-thái-tử để yên lòng dân.

Ngài 5 lần đổi niên hiệu, 4 lần trước đều dùng 4 chữ, là: Long-thụy-thái-bình (1054-1058); Chương-thánh-gia-khánh (1059-1065), Long-chương-thiên-tự (1066-1067), Thiên-cảm-bảo-tượng (1068), còn 1 lần cuối cùng dùng 2 chữ là Thần-vũ (1069-1072) Người đời lấy mỗi niên-hiệu 4 chữ, cho là đời Lý có nhiều (16 niên-hiệu dùng 4 chữ) đến đời Trần (1225-1399) Thái-tông đổi dùng năm (1225-1250) còn đến đời Hậu Lê và trước đời Lý là Đinh, Lê cũng chỉ đặt 2 chữ mà thôi.

Cùng trong tháng giêng năm nhâm-tý (1072) hoàng-thái-tử Kiền-đức lên ngôi vua ở trước cửu Lý thánh-tông đổi niên-hiệu là Thái-ninh, Kiền-đức bấy giờ mới lên 7 tuổi, tôn sinh-mẫu (mẹ đẻ) là Ỷ lan nguyên-phi làm hoàng-thái-phi, đích mẫu (mẹ đích) là thượng dương thái-hậu họ Dương làm hoàng-thái hậu, ba mẹ cùng thủy liêm (buông rèm, vì đàn bà làm việc nước, nên dù g bức thủy liêm) thính chính (làm việc chính-trị). Thái-sư là Lý-đạo-Thành giúp đỡ.

(*Còn nữa*)

*Ưng-hoè* NGUYỄN VĂN-TỐ

## BÁO VÀ SÁCH MỚI

— VĂN MỚI loại mới số 1 ra ngày 5-6-1945 xuất bản mỗi tháng ba lần Tòa báo số 71 phố Tiên Tsin — Hanoi — giá mỗi số 2$ chủ nhiệm: P. N. Khuê — tạp chí chú trọng về việc kiến thiết tân văn hóa.

Xin giới thiệu với các bạn đọc tờ Văn Mới và chúc bạn đồng nghiệp được trường thọ.

— TRAI NƯỚC NAM VỚI Ô. H.Đ THỦY của Lương đức Thiệp — Đại học xuất bản giá 6$00.

— NHỮNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC của Vũ-đình Hòe kủ nhiệm báo Thanh Nghị — giá 7$60.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu hai cuốn sách trên với các bạn.

TRI TÂN

**Nhân lễ kỷ niệm ngày 17 tháng sáu**

# NGUYỄN THÁI HỌC VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ ĐÃ HY SINH CHO NỀN ĐỘC LẬP

— 17 tháng 6-1931 ! Nguyễn-thái-Học và 12 đồng chí đã lên đoạn đầu đài tại Yên-bái.

— 17 tháng 6-1945 ! Nước ta đã thoát vòng nô lệ !

Mười bốn năm qua !

Cái tang đau đớn ấy của hết thảy người Việt nam như hãy còn ấp ủ bao nỗi đắng cay với bao niềm uất ức gây nên bởi bọn Pháp tham tàn cướp nước.

Mười bốn năm qua !

Những can hồn của 13 vị tử-quốc ấy hãy còn phảng phất khắp đó đây để thúc giục lòng người máu mủ nổi dậy trống lại kẻ thù chung.

Mười bốn năm qua !

Cái mộng lớn ấy của các yêu nhân trong Việt-nam quốc dân đảng đã bỏ mình vì nước nay mới thực hiện. Những bực nghĩa sĩ oanh liệt ấy không chịu nổi được sự đàn áp dã man của kẻ thù, không cam lòng ép hề sống đời nô lệ đã đồng lòng vùng dậy, mượn gươm, giáo, súng, đạn để một phen sống mái với quân cường bạo !

Trời đất chẳng chiều người ! Khí phách anh hùng của các bậc ấy cũng đành chịu thua số phận. Mà can hồn của các đấng anh linh từ ngày đó cũng chỉ còn biết lẩn quất trên ngọn cây xanh những lúc canh tàn đêm vắng mà ngậm ngùi quanh đám đồng bào phải áp hề sống thân trâu ngựa !

Nay thời đại đã đổi mới !

Sự tình cờ của lịch sử đã đem người hiệp sĩ phương xa đến phá giây xiềng xích cho dân đất Việt !

Những bậc liệt sĩ ấy lẩn cũng được ngậm cười nơi chín suối !

Nhưng bổn phận chúng ta ?

Phải biết ơn các bậc nghĩa sĩ ấy lúc sinh thời chẳng hề để tâm hồn say mê những cám dỗ đê hèn mà lãng quên chí lớn.

Những bậc ấy « chết không hổ thẹn với cha ông » đã giầu lòng quả cảm, nặng chí hy sinh, đã bị rủi do thất bại mà ngã mình nhắm mắt bên bờ nghĩa vụ !

Những cái chết vẻ vang ấy là những tấm gương chói lọi treo để nghìn thu !

Những cái chết vì nghĩa vụ vì đồng bào ấy là những bài học sâu xa cho người muôn thủa và là những cảnh tỉnh hùng hồn cho những ai mại quốc cầu vinh hại dân bại nước.

Bổn phận thiêng liêng của chúng ta là phải tới nghiêng mình trước bàn thờ của các vị anh linh đã hỏ mình vì nước.

Đến truy điệu các bậc nghĩa sĩ ấy chúng ta không những để tỏ lòng biết ơn các bậc tiền bối đã vì chúng ta ngày nay mà hy sinh mà thôi, nhưng còn để tỏ cho những ai hiểu là chúng ta đây cũng hăm sống những ngày oanh liệt như cha ông chúng ta mỗi khi đất nước lên tiếng gọi.

Trong huyết quản của chúng ta còn chảy một phần máu của Trần hưng Đạo của Le Lợi của Nguyễn thái Học và của các vị anh hùng cứu quốc, thì mỗi khi máu nóng trong tim trước sự áp bách ức kẻ cường quyền, các bậc tiền bối chúng ta đã dạy chúng ta phải hy sinh và phải nuôi chí quật cường !

Nay trước khói hương nghi ngút trong ngày lễ truy điệu sắp tới đây trong vườn Bách thảo, trước bàn thờ Nguyễn thái Học và các đồng chí, chúng ta hãy xát cánh để ùng nhau cam kết theo đòi chí người xưa trong những ngày mai bất trắc.

Không tới dự lễ truy điệu ấy, chúng ta đã cố ý tự tố cáo là người bội bạc chỉ thích sống ươn hèn bên cạnh áo cơm thường nhật !

Không để tâm hồn rung động trước khói hương phảng phất anh hồn của các bậc liệt sĩ, chúng ta đã ngang nhiên tự giết chết những mầm sống sôi nổi trong tim óc của mỗi thiếu thời.

Đến nghiêng mình trước bàn thờ các bậc liệt sĩ trong Việt nam quốc dân đảng đã hỏ mình vì nước, chúng ta sẽ tỏ cho người biết chúng ta cũng thêm sống những giờ phút vẻ vang oanh liệt để trả nợ núi sông.

PHẠM-MẠNH-PHÁN

# Những ngày cuối cùng
## của Dương Bá Trạc ở Chiêu-nam

TIÊN-ĐÀM

MÙA đông năm 1943, một năm mà chiến tranh vẫn gào thét ở Thái bình dương, hai nhà chí sĩ Việt-nam Dương Bá Trạc và Trần trọng Kim cùng vào Sài-gòn, trú ngụ một tháng, rồi đi Chiêu-nam để gặp các bạn đồng chí, hẹn nhau ở đấy.

Nhưng trước khi vận nước thay đổi, Dương đã thở hơi cuối cùng ở Chiêu-nam vào tháng chạp 1944. Còn Trần thì sau này, trở lại nước nhà, gánh vác trọng trách Tổng lý Nội các.

Ngày Dương Bá Trạc ra đi, Dương đã hoài bão bao nhiêu việc kịp đến đầu tháng một 1944 đã trải bao nỗi khó nhọc, dọc đường lại chịu những sự khủng-khiếp về các trận ném bom ghê-gớm, một buổi chiều hai chí sĩ đã thấy mình vẫn còn nguyên vẹn mà cùng nhau dùng bữa cơm thường.

Tuy một sự lạ, Dương đã khóc, không phải vì lo sợ, khóc với Trần rằng ở ngày bôn ba làm việc nước không nghĩ gì đến thân mình, gia chi dĩ bỏ lại sau lưng nào mẹ già, nào các em, nào gia đình êm đẹp, nhất giai hi sinh cả, nhưng nay thấy người yếu, chỉ sợ sức người có hạn mà việc nước ngổn ngang, vì thế Dương buồn, buồn đã bói kiều thấy câu:

*Tinh kỳ giục giã đã mong độ về...*»

Than ôi! Tráng sĩ từ xưa chỉ có đi mà không về; Dương cũng cùng số mệnh như tráng sĩ mà không giờ lại.

Thấy bạn đồng chí khóc, Trần cũng buồn, lòng bừa quấy, nỗi tư gia, bâng khuâng trăm mối.

Rồi năm hôm sau, Dương nhóm bệnh, một chứng quái ác — ung thư trong phổi — phải vào nằm điều trị tại nhà thương Chiêu-nam, lui tới săn sóc chỉ có Trần là người bạn thân.

Khi hấp hối, Trần hỏi Dương có giối-giáng gì không.

Dương — một nhà nho không sao-nhãng chữ «hiếu» — chỉ dặn lại: «Mai này, bác về nước, xin đến thăm mẹ già thay cho tôi».

Rồi, trong lúc chiến tranh vẫn còn kịch liệt, nhà chí sĩ họ Dương thở hơi cuối cùng ở bệnh viện.

Muốn đạt tái chí «lá-biền» của mình, Dương có ý muốn xin được thủy táng (1) nhưng các nhà đương chức chỉ theo phong tục làm lễ hỏa táng, đựng vào hộp, chờ ngày đem về nước.

Muốn biết rõ cái ngày cuối cùng của bậc Dương tướng, không gì bằng đọc lại lá thư của Trần tiên-sinh từ Thuận-hóa viết cho tang quyến ngày 20 tháng năm 1945 mà chúng tôi xin mạn phép trích một đoạn dưới đây:

*«Cụ Cử Dương ra ở ngoài Chiêu-nam với tôi, chẳng may mắc phải áo chứng ung ở trong phổi, cho nên thuốc gì cũng không chữa khỏi.*

*Đến khi cụ mất thì làm lễ hỏa táng. Xong rồi đem di hài vào để thờ ở chùa và làm lễ trung-điệu rất kính cẩn.*

*«Ngày tôi về Bangkok, tôi cũng đem về, rồi nhân có người về Sài-gòn, tôi gửi ông ấy đem hộp tro tàn về để đưa cho ông Dương cẩm Chương làm thày thuốc ở Chợ-quán. Sau ông Trần quang Vinh chủ hội Cao đài đem về thờ ở đền Cao đài.»*

Dương bá Trạc nay đã là người thiên cổ, nhưng đã không hổ với non sông Việt-nam vì có cái chết đầy ý nghĩa hợp với câu:

*«Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,*
*Tử ư quốc sự tử vinh thường».*

Cái chết «vinh thường» ấy nếu đem so sánh với những cái sống đọa thì thật là một tấm gương sáng láng cho ai ai biết yêu nước, thương nòi và hi sinh cho Tổ-quốc.

Để tìm dấu bút người xưa chúng tôi đã thấy trong giấy tờ của Dương để lại (2), vài bài thơ tuyệt bút, chan chứa những mối cảm hoài và lòng trung hiếu.

Đọc mấy vần thơ, ta cũng phải cảm động đúng như cổ-nhân đã nói: «Con chim sắp chết tiếng kêu bi thương», nhưng cũng là cái thở dài cuối cùng của người chí sĩ ở nơi chân trời, góc bể.

(Xem tiếp trang 15)

1) Thủy táng là đem thi hài lên một chiếc lần, rồi chèo ra ngoài khơi mà đánh đắm xuống.

2) Thư gửi cho Ô. Dương tự Quán là bào đệ Dương Bá Trạc.

3) Mà Trần tiên-sinh đã đem từ Chiêu-nam về!

# Thời-đại mới, Tư-tưởng mới

*Trời đã mới, người càng thêm mới mới...*

(Phan Sào Nam)

LONG-DIỀN

TIẾNG bom Nhật-bản đầu tiên ở đất Việt hồi năm 1940 đã làm cho dân ta thức tỉnh.

Đến đêm 25 tháng giêng năm ất dậu (9-3-1945) vừa rồi, tiếng súng Nhật bình đồi đây, sua đuổi không khí bắc ám, phá tan xiềng xích nô-lệ và gột rửa những thành kiến hủ, tư tưởng ỷ lại mà dân tộc ta, một phần bị tiêm nhiễm, một phần bị dầu độc bằng những thủ đoạn tàn ác hiểm độc của kẻ xâm lăng.

Từ hôm ấy đến nay, mở hẳn một thời-đại mới, giọ bình minh nhẹ nhàng thổi tới, ánh nhật-dương rực rỡ chiếu vào làm cho tư tưởng trong dân gian thảo cùng đổi mới, hoàn toàn đổi mới.

Tư tưởng cổ hủ khi xưa, nay ra hăng hái mạnh mẽ, tư-tưởng ỷ lại ngày trước, nay ra cương quyết tự cường.

*Trời đã mới, người càng thêm mới mới,*
*Đưa mắt sáng sẽ nhìn tân vân hội*
*Ghé vai vào sắc vác cựu giang sơn.*

(Phan sào Nam)

Muốn chứng tỏ những sự đổi mới rõ rệt đây, tôi xin dẫn cử mấy việc mắt thấy tai nghe, để gợi một giai đoạn lịch sử khả quan, khả ái về tinh thần độc lập của quốc dân ta.

## Mẹ dạy con « Độc-lập »

Ngày xưa hễ trẻ con quấy khóc, bà mẹ hay lấy « ngoa cọp » dọa cho trẻ nín, vì tin « ngoa cọp » hay ăn thịt người.

Khoảng nhà Nguyễn trung hưng, phỏng vào cuối thế kỷ 17, bà mẹ lại hay dọa con bằng « ông Ba Bị » vì ông Ba Bị hay bắt trẻ con.

Đến khi thuộc Pháp ngót 80 năm nay, nhiều bà mẹ lại dọa con bằng món thời trang « Kia Tây » vì ai ai cũng rõ Tây hay hà hiếp ức chế.

Từ ngày nước Nam tuyên bố độc lập, là vẻn vẹn hơn ba tháng nay, hồng tự nhiên, có lẽ là ý giời ý dân tức là ý giời) nhiều bà mẹ dỗ con, dọa con bằng hai chữ độc lập với một dọng ôn tồn hòa nhã như sau :

« Kìa con trai nước Việt Nam độc lập mà lại khóc à! hay « Độc-lập mà thế à!.. »

## Ức phải học chữ tây

Một cậu trò, 9-10 tuổi, hôm mấy hôm sau khi độc lập, ở trường học ông giáo chưa nhận được mệnh lệnh mới cứ dạy pháp-văn, cậu ấy về nhà nói với cha rằng :

« Vẫn còn học chữ tây, ức thật! »

## Các bà các cô sốt sắng gánh việc nước

Xưa ta vẫn có câu :

*Giặc đến nhà,*
*Đàn bà phải đánh,*

đủ tỏ cái gan dạ, chí khí của phái nữ nước nhà.

Từ ngày độc lập đến giờ, trên các báo hằng ngày thường đăng những công cuộc của các bà các cô dã làm vẻ vang cho nòi giống.

Ở Nam-kỳ, một bà tham dự với quân nhân Nhật vào việc tước khí giới của người Pháp ; một bà lập một chính đảng để ủng hộ nền độc lập.

Ở trung Bắc hai kỳ, tỉnh nào cũng có các đoàn phụ nữ tham gia vào các công việc cứu tế một cách nhiệt thành.

Gần đây có một bà vào bực phong lưu phú quí trong một tỉnh, gia đình con cái đông tới hơn 10 trẻ, công việc lắm, thế mà bà giao cả cho người làm, suốt ngày bà săn sóc đến công cuộc cứu tế : nào phát cháo, nào quyên tiền, nào săn sóc lũ trẻ mồ côi, nào chăm nom dân dân chết đói, cả ngày chạy ngược chạy xuôi sất vả tốn kém mà vẫn tươi cười. Có người khen, bà khiêm nhường mà rằng :

—« Việc nước không mấy khi tai họa thế này nên phải cố gắng, chứ việc nhà thì còn cả đời săn sóc được, vì thế tôi dành lạm dẹp việc nhà mà cố gắng làm việc nước ».

Lời nói đó thật không khác câu « Quốc sự thường hữu vị hoàn, gia đình tệ cố ». Nghĩa là Việc nước chưa yên, việc nhà dám ngó, của ông Hoàng Diệu trong bài sớ tạ ân bạn Sâm nuôi mẹ.



## Lừa dối khách hàng là thiếu tinh-thần độc lập

Trong một biểu buôn, ông chủ hiệu nói thách, bị ông khách hàng nghiêm nghị bảo rằng :

—« Ngày nay, mà còn nói thách để lừa dối khách hàng, là thiếu tinh thần độc lập ».

## Lười biếng trong chức-sự là không xứng đáng dân nước độc lập

Một viên chức làm tại tòa Tài-chính nọ hăm hở nhiệt thành nói với một thương-gia :

—« Xưa có người Tây cầm đầu, họ ngồi làm bù-nhìn ăn lương hai nước, làm hay không làm họ chả biết đâu. Nay mình làm cho mình, nên công việc ngày trước tôi làm ba tháng bây giờ tôi chỉ làm một tuần, như thế mới xứng đáng là viên chức một nước độc lập ».

Lạ một vị huấn-đạo khiển trách một viên hương-sư lười biếng trong tờ trình lên ông Đốc-học có câu rằng : « Viên hương-sư này không làm đủ bổn phận xứng đáng là người dân một nước độc lập ».

## Chừa cờ bạc để xứng đáng là dân độc lập

Một ông thông sự hay thích vui chơi tổ tôm, mạt chược. Một hôm, có ông bạn xa lại thăm, thấy trên tủ còn có cỗ bài, ông bạn chỉ vào nhìn cười nói : « Nước Việt-Nam độc lập, mà còn thế à?... » Ông chủ quả quyết trả lời : « Thực từ ngày đảo-chính, để quyết không chơi để « xứng đáng là dân một nước độc lập ».

## Cai thuốc phiện để xứng đáng là dân độc lập

Tại làng nọ một vị tiên chỉ trẻ tuổi, thức thời, khi được tin đảo chính, biết sẽ mở màn một thế hệ mới, bèn hội họp những người nghiện trong vùng, ông khuyên rằng : « Dân có khỏe mạnh, thì nước mới hùng cường. Nay nước Việt Nam dã độc lập, sẽ sùng với các nước trên thế-giới chen vai thích cánh ; vậy muốn xứng đáng là dân độc lập để khỏi hổ với người, ta phải tự cường quả quyết từ bỏ thuốc phiện ».

Trong 30 người nghiện, 28 người đồng thanh xin bỏ, duy có 2 người luống tuổi lại nghiện thâm niên không thể thực hành được, đành rơi lụy nghiện ngào rồi tâm tâm tẻ phế nhân.

***

Xem như thế, thì tư-tưởng và khẩu khí từ trẻ đến già, từ đàn ông tu mi, đến đàn bà cân quắc, mới trong vòng ba tháng mà bốn phương như một, xa gần như nhau, nhất ban quốc dân không bẹn mà nên, không bảo mà biết, một người như trăm người, trăm người như nghìn người, đều một loạt, cùng một tư tưởng, cùng một quan niệm, cùng một hoài bão ủng hộ nền độc lập của nước non nhà, như vậy thực hoàn cảnh có ảnh hưởng lớn cho tư tưởng, mà tư tưởng có ảnh hưởng lớn cho cuộc đời.

Thế mới biết :

*Gia bần chi hiếu tử,*
*Quốc nạn thức trung thần :*

Có gặp lúc này, mới rõ ai có can trường, ai có chí khí mà trước ngày 25 tháng giêng mai mốt trong đám thường dân ẩn náu trong hàng quần chúng.

Nay hoàn cảnh đã sẵn, tư tưởng đã có, cuộc độc-lập của ta tất vững, ta nên cùng nhau đoàn kết, viễn thiết quốc gia, nỗ hầu gây cho nước nhà một nền độc lập xứng đáng trên trường quốc tế.

*Tranh độc lập tự do cho nước,*
*Cho nước mình cũng được như ai.*

*Từ đây cũng có mặt người Việt-Nam.*

(Kỳ-ngoại hầu Cường-Để)

Xin lấy 4 câu trên để kết thúc bài này.

LONG DIỀN

# PHÉP THI VÕ CỦA TA XƯA

*Tinh-phong* NGUYỄN-TOÀI

NƯỚC ta khi xưa thường vẫn mở khoa thi võ để kén nhân tài dùng ào việc binh nhung. Song, phép thi, về thời trước, không rõ thế nào. Đời Lê, và khoảng niên hiệu Hồng-đức, có thi Tuấn sĩ; về sau có thi Đô lực sĩ. Đời Lê Trung hưng có khoa thi võ ở phủ chúa Trịnh, như những cách thức tuyển như sau đây.

Đến đời Lê Gia Tôn, trong năm Bảo-thái, có mở võ học ở Thăng long, mở khoa thi để lấy người vào học. Con cháu các quan trải một kỳ thi gồm có ba trường, đỗ được vào học gọi là Học sinh. Trường nhất hỏi *Tôn tử đại nghĩa*; trường thứ hai thi cưỡi ngựa đấu kiếm, múa đao; trường thứ ba thi các phương lược. Học sinh học tại Võ học năm năm thời qua một kỳ thi gọi là thi Bác sĩ. Trước hết hỏi nghĩa bấy sách: *Thái công thao lược, Hoàng-Thạch-công, Tôn-tử, Ngô tử, Tư mã, binh-pháp, Uy liêu tử, Lý vệ công vấn đáp*. Trường thứ hai đấu võ nghệ thi đánh kiếm. Trường thứ ba hỏi về các cách thao lược và các phép công thủ khi lâm trận. Những người đỗ gọi là Tạo-sĩ xuất thân.

Đến Bản triều, đời đức Thế-tổ, không thấy sử chép gì về thi võ. Đến đời đức Thánh tổ, năm Minh-mệnh thứ 17, ngài dụ cho các quan rằng các người võ nghệ giỏi, có sức lực, biết binh-pháp, nhà nước nên thu dụng, và sai các quan định thể lệ thi võ.

Tuân lời dụ ấy, Binh bộ nghị định cách-thức thi võ. Tháng 8 năm Minh mệnh thứ 18, có dự định những năm Dần, Thân, Tỵ, Hợi mở khoa thi Hương, những năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, mở khoa thi Hội. Phép thi thời trường nhất thì mang nặng và múa côn sắt, trường nhì thi côn gỗ và thi đao, trường thứ ba thì bắn súng. Mỗi kỳ đều tính hơn kém mà ra các hạng ưu, bình, thứ, lệ. Trúng cả ba kỳ thời được vào hạng đỗ cử nhân, trúng được hai kỳ thời là võ tú tài. Võ cử nhân trước khi viết tên vào bảng phải qua một kỳ phúc hạch bởi về sách *Võ kinh* mà quán-thông thời được đỗ. Nên Thi Hội cũng giống như thi Hương. Ai trúng cả ba trường là trúng-cách. Những người trúng-cách, ai biết chữ, cho vào điện thi, người nào được nhiều phần-số cho đỗ Võ tiến sĩ. Những người không được phần số cùng những người trúng cách chỉ biết võ nghệ mà không biết chữ, được miễn không phải vào điện thi đều cho đỗ Võ phó bảng.

Năm Thiệu trị thứ năm, lại đổi những năm mở khoa thi. Những năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu mở khoa thi Hương, những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi mở khoa thi Hội. Cứ thi văn xong thì kế đến thi võ. Tuy nghị định như thế mãi đến năm Tự đức thứ 18, mới mở khoa Võ hội thi lần thứ nhất, lấy đỗ hai người Võ tiến sĩ xuất thân và đồng Võ tiến sĩ xuất thân. Đỗ đầu là ông Vũ văn Đức.

Năm Thiệu-trị thứ sáu, đức Hiến tổ dụ cho Nội-các sai thợ in *Võ kinh*, được bốn mươi nhăm bộ, để ban cho các viên biền ở các đề anh, vệ, cơ, đội, học tập. Sách *Võ kinh* dạy các phép tập võ và những cách xem giờ, chọn ngày, tìm phương hướng, coi thiên văn, xét địa-lý, tính nhâm độn, cùng những phép chế địa lôi phục, thủy lôi phục, vân vân.

Còn trường thi thời đời Minh-mệnh có mở ở Thừa-thiên trước nhất, sau mở thêm ở Thanh-hóa. Đến tháng tám năm Tự đức thứ 16, mở trường thi An giang và tháng hai năm Tự đức thứ 20, mở trường thi Hà-nội và Bình-định. Đời Tự đức, lại mở trường dạy võ ở Kinh đô. Năm thứ 19, xây Kinh võ học đường ở trong thành, đặt quan chánh, phó học chánh để giám-đốc.

Cách thức thi, chiếu nghị định năm Thiệu trị thứ năm, chia làm ba kỳ:

Kỳ thứ nhất xách tạ. Quả tạ đúc bằng chì, nặng 110 cân. Hai tay mỗi bên xách được một quả, đi được 16 trượng (độ 64 thước tây) giở ra, hoặc một tay xách một quả, đi được 32 trượng giở ra, thời là ưu hạng. Xách hai quả đi được 12 trượng giở ra, xách một quả đi 24

trượng giở ra thời là bình hạng. Xách 2 quả đi được 8 trượng giở ra, xách một quả đi được 16 trượng giở ra thời là thứ hạng. Không được như các số ấy thời là liệt hạng.

Kỳ thứ hai thi múa côn sang. Đời Minh-mệnh, kỳ này thi múa côn và đấu gươm, đến đời Thiệu trị mới đổi cách này. Côn sắt nặng 30 cân, chia ba cầm một phần côn, vừa đi vừa múa, và làm bộ nhảy nhót đâm đánh; đi được ngoài 60 trượng là ưu hạng, ngoài 50 trượng là bình hạng, ngoài 40 trượng là thứ hạng, không đủ số ấy là liệt hạng.

Ngọn sang (ngọn giáo) dài bảy thước bảy tấc. Người thi một tay cầm đốc sang, một tay cầm giữa khúc, đứng cách ngoài người bồ-nhìn 3 trượng, múa nhảy độ ba bốn bước; rồi mắt nhìn cho kỹ, chạy tuốt đến đâm vào giữa hộ-tâm-kính người bồ-nhìn. Đâm trúng mà xuốt mũi giáo là ưu hạng, trúng không là bình hạng, trúng sượt qua là thứ hạng, không trúng là liệt hạng.

Kỳ thứ ba thi bắn súng. Đứng cách xa cọc bắn 20 trượng 5 thước, bắn 6 phát súng. Hễ 2 phát trúng đích, 1 phát trúng vành tròn, 3 phát trúng ụ đất là ưu hạng. Một phát trúng đích, 1 phát trúng vành tròn, 4 phát trúng ụ đất là bình hạng. Hai phát trúng vành, bốn phát trúng ụ đất là thứ hạng. Sáu phát không trúng cả hoặc trúng đích được một phát còn không trúng ụ đất phát nào, là liệt hạng.

Quan cả ba kỳ, ai có ưu bình, cho đỗ vào hạng võ cử nhân, toàn một hạng thứ, cho đỗ vào hạng võ tú tài. Kỳ phúc hạch nối vài câu *Võ kinh*, tùy văn lý mà chia thứ bậc trên dưới.

Phép thi Hội cũng y như phép thi Hương, duy mỗi kỳ phải nặng hơn thi hương một ít. Như thi Hương quả tạ nặng 110 cân, thì Hội quả tạ nặng 120 cân; thi Hương đi 16 trượng, thi Hội phải đi 20 trượng. Thi trúng cả ba kỳ, cho vào hạng trúng cả ba. Ai biết chữ, tình nguyện xin vào đình thi, Lối 3, 4 điều đại nghĩa trong *Võ kinh* và *Tứ tử thư*; 3 4 điều về phép dùng binh của các danh tướng đời xưa, 2 3 điều thời sự. Xét văn lý hơn kém mà định phân số. Ai có phân số thì cho đỗ vào hạng võ tiến sĩ, ban áo mũ, cờ biển, cho vinh quí, cũng như văn tiến sĩ. Ai không được phân số nào, hoặc chỉ đỗ hội mà không vào đình thi vì không biết chữ đều cho đỗ vào hạng võ phó-bảng.

Quan trường thời có một chánh chủ khảo và một phó chủ khảo, dùng quan văn tám phẩm và quan võ nhị phẩm sung vào; 8 quan phân khảo, 4 quan văn, bốn quan võ; quan văn thời dùng lang trung, viên ngoại, quan võ dùng quản vệ, hiệp quản. Mỗi vị 2 quan phân khảo, 1 quan văn, 1 quan võ. Còn để tuyển, giám sát đều dùng quan văn; để tuyển dùng lang-trung, giám sát dùng ngự sử, để phòng giữ những sự gian lậu.

*Tính phong* NGUYỄN-TOẠI

## « NHÀ QUÊ »

(Tiếp theo trang 2)

giai-cấp. Bởi vậy, vì kế tự-vệ, nhiều người nhà quê muốn « dễ thở » một tí, phải cày-cực, phải chạy-chọt phải luồn cúi để kiếm lấy cái bùa hộ thân bằng chút « danh phận » này khác. Lỗi « báo hư danh » này, ngoài cái tầng trách về cá-nhân ra một phần lớn là do chế độ xấu xa gây nên vậy.

Ta cũng đừng thấy dân-quê không biết một chút yếu lược về chính-trị mà vội cười. Tội tổ không tại họ. Họ bấy lâu, phần vì quanh năm dầu tắt mặt tối, không được ai rau gồi cho chút thường thức về môn công-dân giáo-dục, phần vì vị thực-dân gian hãm họ trong vòng chính-sách ngu-dân, dầu độc họ bằng những tín-tưởng viển vông, hão-huyền, có hại. Nếu nay làm cho họ đủ ăn, đủ mặc, rồi dạy cho họ biết mọi môn thường thức, thì có khó gì họ không sử-dụng nổi một cái phiếu bầu, khỉ họ có quyền phổ thông tuyển-cử?

***

Nói tóm, họ bấy nay phải mang tiếng oan là « nhà quê », là hạng người dùng làm đối-tượng để cho người ta chế giễu, chẳng qua chỉ vì họ bị áp-bách về kinh-tế, áp-bách về chính-trị, nên ít thể chấp đến tinh-thần, họ mới có những điều khuyết-hãm để kẻ hở cho kẻ khác cười cợt nhạo-báng đó thôi.

Từ nay trở đi, nếu họ được đủ điều kiện để làm người công-dân, thì tôi tin rằng không phải đợi đến mười năm giáo-hối như chương-trình hưng phục của người xưa, họ, trong một thời-gian ngắn cũng có thể trở nên hạng dân có tư-cách và nhân đức tốt.

HOA-BẰNG

# VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 10

*Ưng hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

Chương thứ chín trong quyển *Việt-nam văn-học sử-yếu* của ông Dương Quảng-Hàm nói về « các lối văn cử-nghiệp viết bằng chữ nho... », có câu : « *kinh-nghĩa, văn-sách, chiếu, chế, biểu* chỉ là những lối văn ứng thi dùng trong trường ốc; ngoài ra ít khi dùng đến » (trang 87). Kinh-nghĩa và văn-sách thì « ít khi dùng » thật; còn như chiếu, chế, biểu có phải chỉ « dùng trong trường ốc » mà thôi đâu ? Có lẽ ông Hàm cho chiếu, chế là lời của vua, nên « ít khi dùng », nhưng chỉ những người thi không đỗ, hoặc thi đỗ rồi không ra làm quan thì mới « ít khi dùng » ; còn những bậc hiền tài, đã đỗ rồi, được dời viện hàn lâm, và những văn thư trong nội các, thì thường phải soạn những chiếu, chế, cáo, dụ thay vua. Như Nguyễn Trãi khi theo vua Lê Lợi, « phàm những thư đi lại với người Minh và những bài hiểu dụ các thành, đều Nguyễn Trãi làm ra » (*Việt sử tổng vịnh*, q. 4 tờ 12 a) và soạn bài *Bình Ngô đại cáo*. Đào công Soạn sau khi đỗ, được vua Lê Lợi cho làm đầu mục sung chánh sứ sang nhà Minh cầu phong và tâu về việc tìm con cháu họ Trần » (*Lịch triều hiến chương*, số A 50 q. *Nhân-vật chí*, tr. 96,) tức là phải làm bài hiểu thay vua Lê Lợi. Nguyễn Thiên Tích đỗ khoa hoành từ rồi, được « thảm dự những từ mệnh về việc bang giao » (*Lịch triều hiến chương*, số A50, q. nhân vật chí, tr. 99). Nguyễn Trực đỗ trạng nguyên rồi, « gặp thân tang về nhà dạy học trò, kể có hàng nghìn, khi hết tang thì vừa gặp sứ Tàu sang, vua sai soạn những thư từ đi lại và bài biểu mừng vua Tàu lên ngôi » (*Lịch triều hiến chương*, A50, *Nhân vật-chí*, tr. 105) Lương thế Vinh sau khi đỗ trạng nguyên được vua cho coi viện hàn lâm kiêm sùng văn quán tú lâm cục, « phàm những từ mệnh về việc bang giao, đều vâng mệnh nghĩ soạn » (*Lịch-triều hiến-chương*, A50, q. *Nhân vật chí*, tr. 109) Lại như Thân nhân Trung và Đỗ Nhuận làm tao nàn phó nguyên soái đời Lê Thánh tông...Các ông ấy thường phải soạn những chiếu, chế, cáo, dụ thay vua. Còn biểu là thể văn của bày tôi dâng vua. (hay của vua ta dâng vua Tàu) thì bất cứ là người học trò nào đã thi đỗ ra làm quan thường phải dùng đến ; thế mà ông Hàm cho là lối văn chiếu, chế, biểu chỉ dùng trong khi đi thi là nhầm. Ông Hàm lại nói trái với câu « *chiếu, chế, biểu* là lối văn ứng thế, chỉ khi đào thi đỗ làm quan mới có dịp dùng đến » cũng ông viết ở trang 90.

Cùng trang 87, ông Hàm nói « Lối kinh-nghĩa thông-dụng nhất là lối bát cổ — tám vế » : thế thì không ai hiểu rằng kinh-nghĩa có mấy lối. Thiết tưởng nên nói như thế này : « Lối văn kinh-nghĩa tục thường gọi là bát cổ, bắt đầu từ đời Thành-hóa (1465 — 1487) nhà Minh. Từ đời Thiên-thuận (1457 - 1464) trở về trước kinh-nghĩa cốt nói cho rõ nghĩa ở truyện, chú, hoặc làm đối-nhau hoặc làm tản-văn không có định-cách ; đến năm thứ 23 hiệu Thành-hóa (1487) gặp khoa thi Hộ, bấy giờ mới định ra lối bát cổ. Ở nước ta thì lối kinh-nghĩa bắt đầu từ năm thứ 9 hiệu Quang-thái đời Trần-Thuận-tông, sử *Khâm-định* (q 11, tờ 24 b) chú thích « kinh nghĩa có phá-đề, tiếp ngữ, biện giảng, nguyên đề, đại-giảng, ước kết » thì có lẽ cũng là lối văn bát cổ. Còn chữ « biền văn » ông Hàm cắt nghĩa « biền : hai con ngựa chạy song đôi » (cùng tr. 87); như thế thì hơi nát nghĩa. *Từ nguyên* (q. hợi, tr. 17) giải chữ biền có ba nghĩa : « 1 là hai ngựa đi song đôi ; 2 là đều bằng nhau ; 3 là phàm vật gì ngang nhau gọi là biền, lối văn đối nhau gọi là biền-văn ».

Đến chỗ định nghĩa văn sách, ông Hàm có câu : « Văn sách là một thể văn không có vần, thường thì có đối, nhưng viết thành văn xuôi cũng được », (trang 88). Tôi tưởng nên cắt nghĩa « văn sách là thể văn không có vần, thường chỉ có đối nhưng đối từng đoạn một, nên các bậc tiền bối dạy học trò tập làm văn sách, trước phải tập làm đoạn một. Trong đoạn một ấy có khi viết lối văn xuôi cũng được nhưng đoạn văn xuôi này phải đối với đoạn văn xuôi kia ».

Dưới đoạn văn sách ở trang 88 nên thêm một đoạn như thế này : « Chữ sách có nhiều nghĩa, nhưng dính vào việc văn tự thì có ba nghĩa : 1 là chiếu thẻ tre xâu lại gọi là sách. Đời xưa không có giấy, bút, việc lớn thì viết vào sách, việc nhỏ thì viết vào thẻ tre ; 2 là quan chế đời Hán, vua dùng hoặc bãi chức quan nào, thường viết vào thẻ tre, gọi là sách thư ; 3 là tên một thể văn, như bài *Trị-an-sách* của Gả nghị, bài *Hiến lương đối sách* của Đổng-trọng Thư ».

Về chữ định nghĩa chiếu, chế, biểu, cũng trang 88, ông Hàm có câu : « Chế là lời của vua phong thưởng cho công-thần », đến đoạn lời chú ở trang 89, ông Hàm lại viết câu : Sắc là « lời vua phong thưởng cho thần dân hoặc bách thần » ; nói như thế thì có lẽ không biện là bài chiếu với bài sắc có khác nhau hay không. Tôi tưởng nên giảng ra như thế này : « Chiếu nghĩa đen là dạy bảo. Đời xưa thì người trên sai người dưới gọi là chiếu, từ Tần (246-207 trước T.-C.) Hán (206 trước T.-C. 219 sau T.-C.) trở về sau, thì chỉ Thiên-tử mới được xưng là chiếu. Lời nói của vua gọi là chiếu, lời nói của hoàng-hậu hoặc thái-tử gọi là lệnh. Chế là lời nói của thiên-tử (như thế thì nghĩa chữ chiếu với chế giống nhau). Những chính-sự lớn của nhà nước bán bố cho thần-dân gọi là chiếu - thư, dùng giấy vàng viết chữ đen. Những mệnh lệnh của quan đề tâu phép tắc gọi là chế-thư. Theo chế-độ nhà Hán, lời của Hoàng-đế viết xuống có 4 tên : 1 là sách thư, 2 là chế-thư, 3 là chiếu-thư, 4 là giới-sắc. Sắc nghĩa đen là răn, đời xưa thì vua tôi răn nhau. Từ Hán, Đường trở về sau, thì những lời của thiên - tử ban bố cho thần-dân, gọi là chiếu sắc, có khi chỉ dùng một chữ sắc ; cũng như đời sau gọi là dụ-chỉ. Lại có khi gọi là sắc - thư, hoặc sắc-dụ, phần nhiều dùng giấy vàng chữ đỏ. Thế là mấy chữ chiếu, chế, sắc, dụ chỉ, đều gần giống nghĩa nhau ».

Trong lời chú ông Hàm giải nghĩa Cáo là « lời của vua tuyên-bố một chủ nghĩa hoặc kết quả một công cuộc gì cho dân biết » (trang 89) hãy còn thiếu nghĩa. Cáo - mệnh và cáo - sắc là lời của vua phong cho các quan. Theo quan-chế nhà Minh, các quan văn võ trong triều ngoài nước, từ thất phẩm trở lên đều được cáo-sắc phong tặng cho ông bà cha mẹ từ ngũ phẩm trở lên gọi là Cáo-mệnh, từ lục phẩm trở xuống gọi là Sắc-mệnh. Quan chế của triều ta cũng như thế.

Cùng trang 89 ông Hàm giảng nghĩa chữ Hịch là « bài của vua, tướng, hoặc người lĩnh - tụ một đảng, kể tội kẻ thù để khuyến-khích tướng sĩ và nhân-dân » cũng thiếu nghĩa. Nên giảng thêm rằng : « Đời xưa những giấy-tờ việc quan thường dùng thẻ gỗ dài một thước hai tấc, để dùng về việc với một người nào hoặc biểu dụ việc gì hoặc khiển-trách ai ».

Dưới đoạn định nghĩa chữ biểu, nên thêm rằng : những lời của thần dân tâu lên vua, còn có tên là sớ, tấu, chương, khải, trạng, v. v. Sớ nghĩa là đầu trần. Những bài của nhân thần kể việc gọi là tấu lại có nghĩa thần dân nói với vua cũng là tấu. Trong các lối thần dân dâng thơ lên vua, lại có tên gọi là chương khai nghĩa đen là mở cũng như bày tỏ. Trạng là lối văn tự thuật sự thực mà bày tỏ với người trên ; những giấy tờ việc quan cũng có lối văn ấy

*(còn nữa)*

*Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

## Những ngày cuối cùng

*(Tiếp theo trang 9)*

### Nhớ mẹ

*« Nay mai con sắp xuống hầu cha*
*Vĩnh biệt hay đâu buổi vắng nhà.*
*Sao Vụ một vầng trời Bắc sáng,*
*Tin hồng muôn dặm bể Nam xa.*
*Ngọt-ngon hôm sớm bao sầu tủi,*
*Hơi tiếng ra vào những xót-xa.*
*Muôn lại trót đành con thất hiếu,*
*Chỉ lo ai tin não lòng già ».*

* * *

### Lưu giản các bạn trong, ngoài

*« Sáu mươi mốt lẻ tuổi trời cho,*
*Băm tám năm tròn nước gọi phu,*
*Keo vật trước tan, keo kế ngã !*
*Ván bài kia xóa, ván sau mua !*
*Loay hoay lấp bể, công không chán,*
*Cặm cụi dời non, chí vẫn ngu,*
*Chỉ có cái thân thường lạ ngã,*
*Tình trung chứng được kiếp này tu. »*

Rồi đây, nhà làm sử cầm bút chép thân Việt nam cách mệnh sử chắc không quên chép Dương Bá Trạc gần với nhà chí sĩ Ma-sơn Nguyễn Thượng Hiền ngày đã giữ lại đem gió than bỏa tàng của mình rắc trên mặt sông Tiền Đường chảy về nam nhà chí sĩ họ Dương ấy cùng hoàn cảnh, mà nắm gió tàn đã được từ Canton-nam đem về nước.

Trên đài kỷ-niệm cũng như trong thâm tâm người nước này, ai ai là không ghi cái lòng hi-sinh của họ Dương bên cạnh những hi sinh của biết bao chí sĩ đã hiến thân trên bàn thờ Tổ-quốc.

TIÊN ĐÀM

# LỄ KỶ NIỆM NGUYỄN THÁI HỌC VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ TẠI HANOI

*Chủ nhật 17 tháng 6, là ngày đồng-chí Nguyễn-thái-Học chủ-tịch Việt-Nam Quốc Dân-Đảng cùng 12 đảng-viên đã bị quân thù tàn sát tại Yên - Báy.*

Xin toàn-thể quốc - dân ta hãy đóng cửa treo cờ suốt trong ngày ấy và đúng 10 giờ sáng, hãy tới dự lễ kỷ-niệm chung tất cả các vị anh-hùng, liệt-sĩ suốt trong sáu chục năm Pháp-thuộc, đã hi-sinh tính-mạng vì quyền-lợi của Quốc-Gia, vì hạnh - phúc của Đồng-bào.

Lễ ấy, do các Tỉnh - đảng - Bộ của V.N.Q.D.Đ. tổ chức tại các tỉnh ly các nơi Riêng Vĩnh-Yên, lễ sẽ làm tại phủ-ly Vĩnh-Tường, cạnh ngay làng Thổ - tang quê Nguyễn-Thái-Học.

ở Hà-nội, do Trung Ương Đảng-bộ đứng chủ-lễ, và các giới, các đoàn-thể, quốc-dân vui lòng tán trợ, tham gia

*Nơi hành-lễ :* Trên Núi Khán-Sơn trong vườn Bách-Thảo,

*Giờ khai-lễ :* Đúng 10 giờ sớm mai.

*Chương trình hành-lễ ở Hà-nội* theo thứ-tự sau này :

1 — Khởi chiêng trống,

2 — Tuyên đọc chương-trình hành lễ.

3 — Nổi pháo hiệu.

4 — Cử nhạc.

5 — Đoàn chủ lễ dâng hương hoa.

6 — Các người dự lễ mặc-tưởng và truy niệm.

7 — Đọc văn-tế.

8 — Các quan khách hữu-hạng, các đại-biểu các giới, các đoàn-thể lần lượt hành lễ.

9 — Đoàn chủ lễ đáp tạ các quan khách.

10 — Biểu diễn (các đại - biểu các tỉnh, các thanh-niên võ-trang).

11 — Diễn giảng (Bộ truyền-truyền Trung-Ương cùng đại-biểu các giới, các đoàn-thể.

12 — Lễ tất (phường nhạc cử bài Tiếng-gọi Thanh - niên, trong khi mọi người trí kính trước bàn thờ rồi giải-tán có trật-tự theo nhời chỉ-dẫn của ban tổ-chức.

Suốt trong cuộc lễ, ban Tuyên-Truyền Trung-Ương sẽ bán cuốn tiểu-sử Nguyễn-Thái-Học ngay nơi hành-lễ.

*Đ. V. Q. G. L. M.*
V. N. Q. D. Đ.
*kính cáo*

## Sách mới

Tri-Tân mới nhận được :

— *Gửi hương cho gió* của Xuân Diệu.

Thời Đại xuất bản—giá 12$

— *Nghề thầy* của Hoàng đạo-Thúy.

Thời Đại xuất bản giá 4$50.

Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn.

T. T.

***

Các bạn nên cổ động giúp :

BÌNH DÂN THANH NIÊN THƯ VIỆN
*(16 Ngõ Hàng Vải Hanoi)*

## NHỮNG ÔNG NGHÈ...

*(Tiếp theo trang 5)*

tụng ngày xưa một cách gián tiếp hay trực tiếp, vô tình hay cố ý đều chỉ là cái dây dưa của phong kiến (!?). Tùy theo hoàn cảnh riêng và mục đích riêng của từng người, hay từng bọn người viết, nó có thể có những sắc thái khác nhau, nhưng tựu chung nó đều làm thành một cản trở đáng chú ý cho Tiến hóa (!?). Nó làm cho người ta muốn quay đầu trở lại (!?). Quay đầu trở lại thì còn mắt nào nom thấy tương lai, thấy con đường tiến hóa được ? » (tr, 73 74).

Thế nghĩa là không phải học sử, không phải chép những truyện đã qua, vì những truyện của một nước hay của một người đều (cản trở) cho cuộc tiến hóa !

Sao ông Nguyễn-xuân-Huy lại có ý kiến lạ như thế ? Ông « bình luận văn học », tất ông phải biết rằng : phàm dân nào đã thành nước cũng phải chép sử, thì mới hòng giữ được cái tinh thần tiến thủ. Những nhà chép sử có tiếng xưa nay thường vì một nước hoặc một người, như một cái cây có rễ, có gốc, có cành lá hoa quả Rễ vì ông cha, tức là dĩ vãng ; gốc vì đời ta, tức là hiện tại ; cành, lá, hoa, quả, vì con cháu, tức là tương lai ; phải có đủ ba phần như thế thì mới « thấy con đường tiến hóa », không thì lấy gì làm mực thước ? Tục ngữ ta cũng có câu ngạn ngữ như

thế, như câu : « Nước có nguồn, cây có gốc » ; « ăn quả nhớ kẻ giồng cây », v v ; lại có cả câu ngụ ý tương lai như câu : « Con hơn cha là nhà (tức nước) có phúc », v. v.

Tôi nhắc qua như thế cũng đủ, bất tất phải trả lời cho dài dòng, vì sách Âu Á nói về sự ích-lợi của sử học in ra nhiều lắm, ai xem cũng cho là phải, không ai còn phải bàn cãi gì nữa.

Sở-dĩ tôi viết mấy dòng này là vì có nhiều độc-giả khuyên tôi nên trả lời qua loa, kẻo có người ngộ-nhận chăng. Có ông lại viết thư nói rằng « việc thu-thập những tên *ông nghè triều Lê* là một việc đáng lẽ phải làm đã lâu rồi, vì phần đông những ông nghè ấy có quan hệ đến sử Đại-Việt » Có nhà khảo cứu lại bảo tôi nên « hô hào làm một quyển tự vị danh nhân để giúp bà con có chỗ sưu tầm » (thư của cụ Trần văn Đệ giáo học hưu trí ở Nam-định, viết cho tôi ngày 25-4-1945). Thế lại càng rõ lời « bình-luận » của ông Huy không đúng một tý nào cả.

*(còn nữa)*

*Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

**Nước nhà đã được giải-phóng**

**Quốc-dân nên dùng lịch giải-phóng**

# LỊCH VIỆT-NAM

**năm Bính-tuất (1946-47)**

LONG ĐIỀN *biên tập*

— Lịch Việt nam lấy ngày ta làm chủ, có phụ thêm ngày dương lịch.

— Lịch Việt-nam có in các ngày lịch-sử.

— Lần này có 13 tháng từ 28-11 Ất-dậu (1-1-46) đến 30-12 Bính-tuất (21-1-47).

**Giá mỗi tập... 12$00**

— Các nhà thương-mại, kỹ-nghệ muốn đặt nhiều, có in tên hiệu, xin mời lại 95 phố Chanceaulme Hà-nội thương-lượng.

— Lịch in có hạn, xin mau mau đặt trước.

TY XUẤT-BẢN TRI-TÂN
*kính-cáo*

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

# An Tư

« *Khiêu nhân lỗng An-Tư công-chúa vu Thoát-Hoan, đạc thư quốc nan dã.* »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

*Kính tặng hương hồn mẫn thân*

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 34

Quang Khải cho chèo thuyền lên và nói :

— Ta gặp chú ở đây, lại thêm một bổ tướng không lẽ nào lại không đánh được Thoát Hoan.

Chiêu thành vương nghiêng mình khiêm tốn. Một chiến thuyền bỗng chèo nhanh như gió rẽ lên. Nhìn ra thì là thuyền của Hoài văn hầu Trần quốc Toản, đầu thuyền phấp phới lá cờ : « *Phá cường địch báo hoàng ân* ». Toản cười và nói :

— Chú chán lại gặp nhau đây. Thế chú lại, không có lý nào chú lại bỏ lỡ dịp vào Thăng-long cứu Công-chúa. Cháu đang mong chú.

Sau trận thắng oanh liệt ở Hàm tử quan, Chiêu thành vương gàng nức tiếng anh hùng. Nghe tin Triều đình cử Chiêu-minh vương ra Đã khôi phục Thăng-long, Chiêu-thành vương vội vào xin Chiêu văn vương cho đem quân bản bộ đi theo Thượng tướng. Chiêu văn vương ngần ngại không muốn cho đi, nói :

— Nay Toa Đô chỉ đợi dịp là đánh lớn, ta được tướng lệnh phải giữ không cho nó tiến. Công việc không phải là nhỏ. Nếu chú đi thì ta còn ai giúp việc nữa ; quân Toa Đô đã thực bại hẳn đâu ? Hoài văn hầu đi rồi, chú lại đi nốt, coi sao tiện ?

Trần Thông cô nắn nỉ và nói :

— Đại vương đã truyền, tôi đâu dám trái lệnh. Chỉ nghĩ suốt hai tháng trời, ngày đêm tôi chỉ mong mỏi ngày nay, nay thời-cơ đã đến mà không được đi, thì còn mặt mũi nào nữa, cúi xin Đại vương chiều tình cho.

Chiêu văn vương biết ý, ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đáp :

— Tình nghĩa của chú với em ta thực là thâm trọng. Ý ta muốn giữ chú ở đây, nhưng chú đã nhất định đi ta cũng chiều lòng. Chú có gặp Công-chúa, nói hộ rằng ta bận việc quân không đi được, nhưng ta vẫn nhớ Công-chúa và có nhời hỏi thăm.

Chiêu-thành vương nghe Chiêu-văn vương nói, giọng ôn tồn âu yếm, rõ ra nhời của anh vợ đối với em rể. Chàng sửa soạn ngay, Vào từ biệt Chiêu-văn vương và các bạn ở Hàm tử quan. Mọi người đều nói :

— Vương đi phen này, chúng tôi xin chúc vương mọi sự được may mắn. Anh em vẫn mong được ra Bắc cứu Công chúa, không ngờ lại dở bận ở đây, lấy làm ân hận lắm.

Đoàn quân Tinh - cương được lệnh đi đánh Thăng - long, sung sướng như mở cờ trong bụng. Thực là một điều vinh dự đặc biệt cho họ là được dự vào trận lớn lao ấy. Hình ảnh người yêu của chủ tướng lại hiện lên giữa khung ảnh những lầu đài tráng lệ, với nếp hoàng thành muôn thuở. Nàng nhường mỉm cười với quan quân và nhất là đoàn quân của chính người yêu. .

Đân quân, binh tướng của Triều-đình, dưới quyền chỉ huy của Chiêu-minh vương, tiến thẳng về phía Thăng-long. Có hàng nghìn chiến thuyền, hàng mười vạn người. Cờ rợp trống mở, đêm đến đèn đuốc sáng trưng, tướng sĩ ca hát vang lừng, hoặc đọc những câu hùng tráng trong bài Hịch tướng sĩ. Họ gõ mạn thuyền lấy đi lấy lại những điệp khúc thân yêu.

Tin ấy báo ê Thăng-long, quân Mông cổ náo động cả lên. Thoát Hoan suốt đêm ngày ở trong quân, bàn kế chống giữ, không có lúc nào rảnh việc về Cảnh - linh cung. An Tư mong mành tin quân nhà sắp tới, lòng nàng hồi hộp ; nàng đứng ngồi không yên, nhưng vẫn phải cố trấn tĩnh để khỏi lộ tình ý. Không có lý nào nàng lại phục ước.

Trong khi ấy quân quân và dân quân kéo gần mãi bên Chương dương. Quân sĩ hoan hô, như những khách chạy bộ đã đến đất

thiêng liêng. Bấy giờ đã là đêm mồng chín tháng năm. Trần quang Khải mới gọi Chiêu-thành vương và Hoài-văn bảo vào truyền lệnh:

— Ta đồ rằng Thoát Hoan để biết quân sinh lực ở bến Chương dương, ta thân dẫn chiến thuyền cùng giặc tử chiến ở đấy. Phá xong binh thuyền giặc, ta sẽ cho quân lên bộ tiến đánh Thăng long. Thoát Hoan tất đem quân ra cứu ứng. Hai chú cháu bây giờ hãy đem quân lên bộ, [illegible] giả trang tìm chỗ phục sẵn ở phía nam kinh thành đợi khi Thoát Hoan ra, thì dẫn quân đánh vào thành. Ta ở Chương-dương đánh lâu, hai chú cháu ở kinh thành đánh xuống, quân giặc theo nào cùng đó.

Hai tướng vâng lệnh, dẫn quân lên bộ và một vạn quan quân ăn mặc gia trang tản mát đi, hẹn chặng [illegible] Chiêu-thành vương rất cảm phục cái tâm ý của Chiêu-minh vương: Quang Khải muốn dành cho chàng cái công đầu vô thành để cứu Công-Chúa, [illegible] cho chàng cái đặc ân được đánh bên Hoài văn hầu; người đương thời [illegible] cũng khen hai người đánh giỏi vào mạnh, và khi hai người cùng tiến binh bên cạnh nhau, thì thường là thắng trận.

---

### Cùng các bạn đọc

Bạn Hoa-bằng Hoàng Thúc-Trâm viết thế cần phải tĩnh dưỡng tạm nghỉ không giúp việc [illegible] chữ

Vậy [illegible] các bạn gửi thẳng bài lang báo đến tòa soạn 95 97 phố Chanceaulme Hanoi. Cảm tạ

T. T

Sau khi hai tướng đã đi rồi, Quang Khải bảo mọi người xem ai tình nguyện lĩnh tiền đội xông vào trại giặc, lại nói:

— Binh thuyền giặc rất nhiều, ở Chương-dương toàn là quân tinh nhuệ, hễ phá được binh thuyền giặc thì việc khôi phục Thăng-long đã xong một nửa. Ta nhất định đốc toàn quân đánh trận này. Thành công hay không là nhờ ở các ngươi cả. Nay ta đã trữ những đồ dẫn hỏa trong mười chiếc thuyền, cần nhất là phải có người cầm tử dẫn mười chiếc thuyền ấy đến xát tả ủy trại của giặc, tung lửa đốt phá để làm nó rối loạn và mất nhuệ khí ban đầu. Các người còn nhớ trận Trung vũ vương dùng lửa công phá thuyền giặc ở bến Đông bộ đầu, ngày [illegible] phá đánh như ông cha ta mới được. Ai dám vì ta lái mười chiếc thuyền dẫn hỏa kia?

Tráng sĩ tình nguyện, kể có hàng nghìn người. Quang Khải chọn lấy năm trăm tráng sĩ cho lợi xuống thuyền, rồi sai nổi hiệu trong tiền quân. Quang Khải lấy một mũi tên thề rằng:

Nếu tôi đủ một bước, xin chết như mũi tên này.

Mọi người đều nói:

— Thề chết thì thôi, không lùi một bước.

Quang Khải lại truyền lệnh cho quân sĩ:

— Ba quân cứ trông vào hiệu cờ cầm trên thuyền tả. Lá cờ mà ngả về đằng trước, thì là hiệu tiến, ngả về đằng sau thì là hiệu lùi. Mọi người nên nhớ lấy.

*(Còn nữa)*

NGUYEN-HUY-TƯƠNG

## HỘI TRUYỀN-BÁ QUỐC-NGỮ HOẠT-ĐỘNG

*Tình hình các lớp học về khóa thứ 14*

*Khóa thứ 14 khai-giảng ngày mồng 4-3-1945.*

*Nạn đói kém và tình-thế trong nước làm cho sự hoạt động của Hội hơi khó khăn vì các thân-hào và thanh-niên ở các địa-phương phải săn-sóc đến việc cần hơn là: Cứu-tế và Bảo an.*

*Song trước hoàn-cảnh hiện thời, Chính-phủ chưa kịp thi-hành ngay được tất cả những phương-sách triệt-để để bài trừ nạn thất học. Hội vẫn theo tôn-chỉ tiếp-tục tiến-hành mọi công việc tại Trung-Ương cũng như tại phần nhiều các Chi-nhánh.*

*Về khóa thứ 14, tại Trung-Ương, ngoài 3 khu trường làng mở trong khóa 13, đã mở thêm được lớp học tại 8 làng: Mai-Dịch, Hạ-hội, Kiều-Mai Nguyên-Xá, Tứ-Kỳ, Pháp-Vân, Đông Phù, Giáp-Tư*

*Sau vụ gặt tháng 5 này, ban Dạy Học Trung Ương trù-tính sẽ mở nhiều lớp học về thôn quê và đang sửa soạn các bài học để huấn luyện và cổ động lớn lao các miền*

*H. T. Q. N. lai sao*

***

### Một bức thư cải chính

*Theo nhời yêu cầu của Tổng hội Cứu Tế bản báo xin đăng nguyên văn dưới đây bức thư xin lỗi của Tuần báo Quốc Gia*

Thưa Ngài,

*Sau cuộc thị kiến với Ngài và Ngài đã vui lòng cho biết rõ những công việc của Tổng-Hội Cứu-Tế Bắc-Kỳ, chúng tôi nhận thấy rằng bài gửi đến đăng trong báo Quốc-Gia mấy kỳ mới đây đã theo những tài-liệu qua sự thực.*

*Chúng tôi trong kỳ báo-tới, sẽ có lời đính-chính và nay có lời xin lỗi trước Tổng-Hội.*

*Nay kính*

Chủ Nhiệm tuần báo
*QUỐC GIA*
p. o. du Directeur
Ký tên không rõ

## SÁCH MỚI

*Bản-chí vừa tiếp được quyển Tiểu-sử và thơ văn Dương-Bá-Trạc, sách có ảnh, tự tích và di-bút do cụ Trần-Trọng-Kim đem từ Chiêu-Nam về; lại có phụ thêm đủ những bài văn trong thời kỳ Đông-Kinh nghĩa-thục và toàn bản Hải ngoại huyết thư (gần 800 câu) của ông Phan-bội-Châu gửi về do cụ Tử-Long Lê-Đại dịch ra văn vần rất hay (bản này rất hiếm vì năm 1913, ai giữ bản này đều bị 20 kỉ ở tù) sách này dày 200 trang, hạng giấy tốt 9$ giấy bản 6$50 — do hiệu Đông lâu-195 hàng Bông Hà-nội phát hành.*

*Bản-chí xin vui lòng giới thiệu quyển sách rất hay này với các độc-giả.*

---


**Đã có bán:**

# DÊM HỘI LONG TRÌ

*Lịch sử tiểu thuyết của NGUYỄN-HUY-TƯỞNG*

**GIÁ 2$60**

---

# *Duy nhất*

cơ - quan kiến - thiết một nền văn-hóa mới duy - nhất khoa - học và Đạo - học

*Xuất bản mỗi tháng 2 kỳ vào ngày 1 và 15*

Tòa soạn tại Nam định hộp thơ số 20

**Giá báo**

mỗi số 1$50
6 tháng 18$00
một năm 35$00

Công-sở và các hội giá gấp đôi.

---

Thư và ngân phiếu gửi về:
ông LÝ QUỐC SÍNH
*nhà in Quang Lợi a 173 Hàng Bông—Hanoi*


# TRI-TÂN TẠP-CHÍ

## MỤC LỤC Số 191


« Nhà quê » — *Hoa-Bằng*
Tinh thần độc-lập — *Nguyễn-Phương*
Nhời thề — *Đinh-tú-Lâm* và *Hoàng v.-Sĩ*
Những ông nghè triều [illegible] (XII) — *Ưng-Hòe*
Kỷ niệm Nguyễn-thái-Học và các đồng chí... — *Phạm-mạnh-Phan*
Đại nam dật sự (LXIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
Những ngày cuối cùng của Dương bá Trạc ở Chiêu-nam — *Tiên-Đàm*
Thời đại mới, tư tưởng mới — *Long-Điền*
Phép thi võ của ta xưa — *Nguyễn-Toại*
Việt-nam văn học sử (X) — *Ưng-hòe*
An-tơ (tiểu-thuyết, XXXIII) — *Ng-huy-Tưởng*


***


**GIÁ BÁO**

| | |
|---|---|
| Một năm | 55$00 |
| Sáu tháng | 30,00 |
| Ba tháng | 15,00 |
| Một số | 1,20 |

***

**TÒA BÁO**

*95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội*

***

**Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh**

Quảng-văn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA: Do nghị định ngày 8 tháng mai năm 1941
Chủ-nhiệm kiêm quản lý. Nguyễn-Tường-Phượng — Nhà in [illegible] số 95—97 Chanceaulme, Hanoi